

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 21-8-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thuý Mùi
2. Ông Đặng Ngọc Tân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ- Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1996

Đăng ký HKTT: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Hiện ở địa chỉ: Thôn G, xã V, huyện H, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Đoàn Ngọc D, sinh năm 1993

Đăng ký HKTT: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Th (C, C, Thanh Hoá)

(Tại phiên tòa có mặt chị Th; anh D có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị Th trình bày:

Chị kết hôn với anh Đoàn Ngọc D do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 10/11/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận tại gia đình nhà chồng đến tháng 5/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh D ghen tuông và đánh chửi chị. Đồng thời, chị phát hiện anh D nghiện ma túy nhưng anh D chối bỏ. Do không thể chung sống với anh D được nữa nên tháng 6/2017 chị đã đưa con về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ chị tại thôn G, xã V, huyện H, tỉnh Thái Bình cho đến nay. Anh D sau đó có xuống ở cùng vợ con được gần 01 tháng thì anh D không chung sống cùng vợ con nữa. Chị và anh D chính thức ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Sau khi vợ chồng ly thân thì anh D đã bị bắt đi tù về tội tiêu thụ tài sản trộm cắp và hiện anh D đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm- Thanh Hoá. Nay chị thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với anh D được nữa nên chị xin ly hôn anh D.

Chị và anh D có 02 con chung là Đoàn Trâm A, sinh ngày 08/11/2013 và Đoàn Thu A, sinh ngày 14/02/2015. Hiện nay hai con chung đang ở với chị. Do anh D đang chấp hành án phạt tù nên sau khi ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh D phải góp cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản: Chị Th khai chị và anh D không có tài sản chung, không có khoản nợ chung nào. Chị không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn là anh Đoàn Ngọc D trong biên bản lấy lời khai và đơn xin vắng mặt đề ngày 11/7/2018 có xác nhận của Trại giam Th- Thanh Hoá đã trình bày về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị Th khai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh có ghen tuông và chửi bới chị Th. Sau đó chị Th đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị Th sinh sống và vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Chị Th xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn với chị Th.

Anh D xác nhận anh và chị Th có 02 con chung như chị Th đã khai. Sau khi ly hôn, anh nhất trí để chị Th trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung theo yêu cầu của chị Th do anh đang chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nợ chung giữa anh và chị Th không có nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: *Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt, do vậy Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên toà của bị đơn.*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về quan hệ hôn nhân cần xử cho chị Th được ly hôn anh D; về quan hệ con chung cần giao hai con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th không yêu cầu anh D phải góp cấp dưỡng nuôi hai con chung; về quan hệ tài sản không đặt ra giải quyết. Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đoàn Ngọc D đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đề ngày 11/7/2018. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Th và anh Đoàn Ngọc D xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo chị Th vợ chồng chung sống hoà thuận đến tháng 5/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh D nghiện ma túy và ghen tuông đánh chửi chị. Anh D cũng xác nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh D có ghen tuông và chửi bới chị Th. Vợ chồng đã chính thức ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay, chị Th làm đơn xin ly hôn và anh D cũng nhất trí ly hôn với chị Th. Xét mâu thuẫn giữa chị Th, anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét yêu cầu về nuôi dưỡng con chung của chị Th, thấy: Hiện nay hai con chung đang ở ổn định cùng chị Th; anh D cũng nhất trí để chị Th trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung do anh đang chấp hành án phạt tù không có điều kiện nuôi con. Do đó, cần giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung theo yêu cầu của chị Th là phù hợp.

Về quan hệ tài sản: Chị Th và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

[3] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Đoàn Ngọc D.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đoàn Trâm A, sinh ngày 08/11/2013 và Đoàn Thu A, sinh ngày 14/02/2015. Chị Th không yêu cầu anh D phải góp cấp dưỡng nuôi hai con chung. Anh D được quyền thăm nom hai con chung.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị

Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003672 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Đoàn Ngọc D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Quỳnh Phụ,
- UBND xã Q. H. Quỳnh Phụ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng